

Giới thiệu về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

TRẦN THANH HẢI
www.thanhhai.com

- **Bối cảnh đàm phán và ký kết**
- **Nội dung các điều khoản**

Xin chào các bạn khán giả truyền hình,

Trong bài hôm nay, chúng ta cùng nhau tìm hiểu về nội dung Hiệp định Thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Ngày 13/7/2000, tại Washington, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được chính thức ký kết giữa Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Vũ Khoan và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Charlene Bashefsky, kết thúc 4 năm đàm phán liên tục.

Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, đến nay Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại song phương với 81 nước và vùng lãnh thổ, và có thoả thuận chế độ đãi ngộ tối huệ quốc với trên 76 nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, cho đến nay Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ là hiệp định mang tính chất tổng thể và bao quát nhất. Được đàm phán trên cơ sở các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp định này không chỉ đề cập đến thương mại hàng hoá mà còn chứa đựng cả những điều khoản về thương mại dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ.

Hiệp định này cũng được đàm phán trên cơ sở "bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền lẫn nhau, có tính đến thực tế Việt Nam là một nước đang phát triển ở trình độ thấp, đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế khu vực cũng như thế giới".

Sau các quá trình thủ tục phê chuẩn ở Quốc hội hai nước, ngày 10/12/2001, hai bên Việt Nam và Hoa Kỳ đã trao đổi công hàm về việc phê chuẩn. Và ngày này được tính là ngày Hiệp định bắt đầu có hiệu lực.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số nội dung chính trong Hiệp định. Hiệp định này bao gồm 7 chương (72 điều), 9 phụ lục và 2 thư trao đổi.

Chương 1: THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ

1. Quy chế Tối huệ Quốc (MFN)

Tại Điều 1, Hiệp định quy định hai bên dành cho nhau quy chế tối huệ quốc (hay còn gọi là quan hệ thương mại bình thường). Điều này có nghĩa là hàng hoá của Việt Nam vào Hoa Kỳ được dành sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Hoa

Kỳ dành cho các nước khác. Ngược lại, hàng hoá Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng được hưởng sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Việt Nam dành cho các nước khác. Việc được hưởng quy chế này giúp hàng hoá Việt Nam được hưởng thuế suất thấp hơn hẳn khi vào thị trường Hoa Kỳ, trung bình từ 40% xuống còn khoảng 3-4%.

Tuy nhiên, quy chế tối huệ quốc mà Hoa Kỳ dành cho Việt Nam hàng năm vẫn phải được gia hạn. Phía Hoa Kỳ cũng sẵn sàng xem xét khả năng dành cho Việt Nam quy chế Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP).

2. Đối xử quốc gia (NT)

Hai bên cũng sẽ dành cho hàng hoá của nhau sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho hàng hoá trong nước, về tất cả các khía cạnh như bán hàng, chào hàng, mua, vận tải, phân phối, lưu kho, ...

3. Biên pháp kỹ thuật (TBT)

Hai bên cam kết sẽ không soạn thảo, ban hành hoặc áp dụng những quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm tạo ra sự trở ngại đối với thương mại quốc tế hoặc bảo hộ sản xuất trong nước.

4. Biên pháp vệ sinh dịch tễ (SPS)

Mọi biện pháp vệ sinh hoặc vệ sinh thực vật không trái với các quy định của GATT 1994 chỉ được áp dụng ở mức cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khoẻ của con người, động vật hoặc thực vật, được dựa trên cơ sở các nguyên lý khoa học.

5. Quyền kinh doanh

Các bên sẽ dành cho công ty và công dân của bên kia quyền kinh doanh. Theo đó:

- ♦ Tất cả các doanh nghiệp có quyền tham gia xuất khẩu nhập khẩu, trừ những mặt hàng tại nêu tại Phụ lục B và C;
- ♦ Các công ty có vốn đầu tư Hoa Kỳ có quyền nhập khẩu hàng hoá và sản phẩm liên quan đến hoạt động của công ty trên lãnh thổ Việt Nam.
- ♦ 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các công ty có vốn đầu tư Hoa Kỳ trong lĩnh vực chế tạo có quyền kinh doanh xuất nhập khẩu (có một vài loại trừ).
- ♦ 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các công ty Hoa Kỳ được phép thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam để kinh doanh xuất nhập khẩu với cổ phần tối đa của phía Hoa Kỳ không quá 49%; sau đó 3 năm cổ phần tối đa của phía Hoa Kỳ có thể lên tới 51%.

6. Mở cửa thị trường

Hai bên đồng ý cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với thương mại hàng hoá. Các hạn ngạch, giấy phép và kiểm soát xuất khẩu và nhập khẩu sẽ được loại bỏ.

2 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các bên hạn chế tất cả các loại phí và phụ phí dưới bất kỳ hình thức nào áp dụng đối với xuất nhập khẩu, và đảm bảo rằng những loại phí và phụ phí đó không phải là một sự bảo hộ gián tiếp đối với sản xuất trong nước hoặc vì mục đích thu ngân sách.

7. Xác định trị giá tính thuế hải quan

Sau 2 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các bên sẽ tuân thủ các quy định của WTO về xác định trị giá tính thuế hải quan, cụ thể là sử dụng giá giao dịch để tính thuế hải quan chứ không dựa vào giá trị của hàng hoá theo nước xuất xứ hoặc giá áp đặt không có cơ sở.

8. Tự vệ

Trong trường hợp nhập khẩu tăng đột biến đe dọa hoặc gây ra thiệt hại cho một ngành sản xuất trong nước thì nước nhập khẩu có thể áp dụng các hạn chế định lượng nhập khẩu, các biện pháp thuế quan hay bất kỳ các hạn chế nào khác mà nước nhập khẩu cho là phù hợp, và trong khoảng thời gian mà nước nhập khẩu cho là cần thiết.

9. Giải quyết tranh chấp

Các bên khuyến khích việc sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các giao dịch thương mại được ký kết giữa các công dân và công ty của hai bên. Mỗi bên bảo đảm tại lãnh thổ của mình có một cơ chế hiệu quả để công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài.

10. Doanh nghiệp thương mại Nhà nước

Các Bên có thể thành lập hoặc duy trì doanh nghiệp nhà nước, hay dành cho một doanh nghiệp nhà nước bất kỳ, trên thực tế hay trên danh nghĩa, sự độc quyền hay đặc quyền nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm liệt kê tại Phụ lục C.

Chương 2: QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trong Chương này, các bên đồng ý tuân thủ các quy định đã nêu tại các công ước quốc tế liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, phía Việt Nam được hưởng một thời gian quá độ trước khi phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nói trên.

Các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ bao gồm:

Đối tượng	Thời gian chuyển tiếp
Nhãn hiệu hàng hoá (hay còn gọi là thương hiệu)	12 tháng
Sáng chế	
Quyền tác giả và quyền liên quan	18 tháng
Bí mật Thương mại	
Thiết kế bố trí mạch tích hợp	24 tháng
Kiểu dáng công nghiệp	
Tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá	30 tháng

Chương 3: THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

Cam kết chung

Công ty Hoa Kỳ được tiến hành hoạt động thương mại tại Việt Nam theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam dưới các hình thức: Hợp đồng hợp tác kinh doanh, xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp 100% vốn Hoa Kỳ, BOT và BTO.

Các công ty Hoa Kỳ được phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Các văn phòng này không được tiến hành hoạt động thu lợi nhuận tại Việt Nam.

Các công ty có vốn đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ được Chính phủ và chính quyền địa phương Việt Nam cho thuê đất.

Cam kết theo lĩnh vực

Dịch vụ pháp lý

- ♦ Được phép lập công ty 100% vốn Hoa Kỳ (kể cả chi nhánh).
- ♦ Chi nhánh được cấp lại giấy phép hoạt động 5 năm một lần.
- ♦ Có thể tư vấn luật Việt Nam

Dịch vụ kế toán, kiểm toán

- ♦ Trong vòng 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, giấy phép cho các nhà cung cấp dịch vụ kế toán kiểm toán của Hoa Kỳ được cấp trên cơ sở phê duyệt theo từng trường hợp một. Sau thời hạn này sẽ không có một hạn chế nào khác.
- ♦ Trong vòng 2 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ được cung cấp dịch vụ cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài và dự án có tài trợ của nước ngoài. Sau thời hạn này sẽ không có bất kỳ hạn chế nào.

Dịch vụ kiến trúc, Dịch vụ kỹ thuật

- ♦ Được phép thành lập công ty 100% vốn Hoa Kỳ
- ♦ Trong vòng 2 năm kể từ khi thành lập và hoạt động, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ được cung cấp dịch vụ cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Sau đó sẽ không có bất kỳ hạn chế nào.

Dịch vụ về vi tính và các dịch vụ liên quan

- ♦ Được phép thành lập công ty 100% vốn Hoa Kỳ
- ♦ Trong vòng 2 năm kể từ khi thành lập và hoạt động, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ được cung cấp dịch vụ cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Sau đó sẽ không có bất kỳ hạn chế nào.

Dịch vụ quảng cáo

- ♦ Được phép thành lập công ty liên doanh với vốn góp của phía Hoa Kỳ không vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh. 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực hạn chế này sẽ là 51% và 7 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực sẽ không còn bất kỳ hạn chế nào về tỷ lệ góp vốn trong liên doanh.

Dịch vụ nghiên cứu thăm dò thị trường

- ♦ Được phép thành lập công ty liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh
- ♦ Vốn góp của phía Hoa Kỳ không vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh. 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực hạn chế này sẽ là 51% và 7 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực sẽ không hạn chế tỷ lệ góp vốn trong liên doanh.

Dịch vụ Tư vấn quản lý

- ♦ Được phép thành lập công ty liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh
- ♦ 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, được phép thành lập công ty 100% vốn Hoa Kỳ.

Dịch vụ viễn thông

- ♦ Đối với phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới, các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ được phép thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Việt Nam
- ♦ Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Trong vòng 2 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (đối với dịch vụ Internet là 3 năm), phía Hoa Kỳ được thành lập công ty liên doanh với hạn chế không quá 50% vốn
- ♦ Dịch vụ Viễn thông cơ bản (bao gồm dịch vụ di động và vệ tinh): Trong vòng 4 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, phía Hoa Kỳ được thành lập công ty liên doanh với hạn chế không quá 49% vốn.
- ♦ Dịch vụ điện thoại cố định: Trong vòng 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, phía Hoa Kỳ được thành lập công ty liên doanh với hạn chế không quá 49% vốn.

Dịch vụ nghe nhìn (bao gồm các dịch vụ sản xuất và phân phối phim ảnh và chiếu phim)

- ♦ Được lập công ty liên doanh với hạn chế vốn đóng góp Hoa Kỳ 49%; 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, hạn chế này tăng lên 51%.

Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ đồng bộ liên quan

- ♦ Trong vòng 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực các công ty Hoa Kỳ 100% vốn chỉ được phép cung cấp dịch vụ cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Sau đó sẽ không có bất kỳ hạn chế nào khác.

Dịch vụ phân phối

- ♦ Dịch vụ phân phối bán buôn, bán lẻ: Được phép thành lập công ty liên doanh với hạn chế vốn đóng góp phía Hoa Kỳ 49% trong vòng 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Sau 6 năm các hạn chế này sẽ được bãi bỏ.
- ♦ Ngoài ra, các doanh nghiệp có vốn Hoa Kỳ phải chịu sự điều chỉnh tại Phụ lục D đối với danh sách các mặt hàng được phép phân phối tại Việt Nam

Dịch vụ giáo dục

- ♦ Được phép thành lập liên doanh tại Việt Nam sau khi Hiệp định có hiệu lực. 7 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, được phép thành lập trường 100% vốn Hoa Kỳ.

Dịch vụ bảo hiểm

- ♦ Bảo hiểm nhân thọ và các lĩnh vực "không bắt buộc" khác: 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, cho phép liên doanh, hạn chế 50% vốn phía Hoa Kỳ; 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, cho phép lập công ty 100% vốn Hoa Kỳ.
- ♦ Các lĩnh vực bảo hiểm bắt buộc (ví dụ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm trong xây dựng và lắp đặt): Các liên doanh có vốn Hoa Kỳ không được cung cấp dịch vụ trong vòng 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực; đối với công ty 100% vốn Hoa Kỳ, thời gian hạn chế này là 6 năm.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan

- ♦ Cho phép ngân hàng Hoa Kỳ mở chi nhánh hoặc tham gia liên doanh với tỷ lệ góp vốn từ 30% đến 49%; sau 9 năm cho phép mở ngân hàng con với 100% vốn sở hữu của Hoa Kỳ. Tỷ lệ cổ phần của Hoa Kỳ trong các ngân hàng cổ phần Việt Nam cho phép ở mức ngang với người Việt Nam.
- ♦ Yêu cầu vốn tối thiểu: 15 triệu \$ đối với chi nhánh ngân hàng Hoa Kỳ; 10 triệu \$ đối với liên doanh hoặc ngân hàng con 100% vốn Hoa Kỳ.
- ♦ Quyền thế chấp: Sau 3 năm, các tổ chức tài chính 100% vốn Hoa Kỳ có thể nhận thế chấp quyền sử dụng đất của các công ty đầu tư nước ngoài; trong trường hợp các công ty đó vỡ nợ, có thể sử dụng thế chấp để thanh lý.
- ♦ Cho phép liên doanh hoặc công ty thuê mua tài chính 100% vốn Hoa Kỳ.
- ♦ Các chi nhánh ngân hàng Hoa Kỳ được nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam với một thời gian hạn chế là 8 năm.
- ♦ 8 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các tổ chức tài chính Hoa Kỳ có thể phát hành thẻ tín dụng trên cơ sở đối ngoại quốc gia.
- ♦ Các ngân hàng Hoa Kỳ có thể đặt máy rút tiền tự động (ATM) ngoài các văn phòng của mình khi các ngân hàng Việt Nam được phép làm như vậy.

Các dịch vụ y tế và xã hội

- ♦ Cho phép thành lập cơ sở chữa bệnh 100% vốn Hoa Kỳ;
- ♦ Đầu tư tối thiểu vào bệnh viện: 20 triệu \$; tối thiểu đối với phòng khám đa khoa: 2 triệu \$; tối thiểu đối với phòng khám chuyên khoa: 1 triệu \$.

Dịch vụ du lịch và lữ hành

- ♦ Khách sạn và nhà hàng: Cho phép liên doanh hoặc 100% vốn;
- ♦ Lữ hành và hướng dẫn du lịch: Cho phép liên doanh, hạn chế vốn Hoa Kỳ không quá 49%; sau 3 năm, cho phép vốn Hoa Kỳ không quá 51%; sau 5 năm không hạn chế vốn Hoa Kỳ trong liên doanh.

Chương 4: PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐẦU TƯ

1. Đối ngoại quốc gia

Việt Nam cam kết dành đối ngoại quốc gia chung, trừ một số lĩnh vực còn được bảo lưu như:

- ♦ Phát thanh, truyền hình;
- ♦ sản xuất, xuất bản và phân phối các sản phẩm văn hóa;
- ♦ đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, môi giới, kinh doanh chứng khoán, tiền tệ và các dịch vụ có liên quan khác;
- ♦ thăm dò và khai thác khoáng sản;
- ♦ xây dựng, lắp đặt, vận hành và bảo trì phương tiện viễn thông;
- ♦ xây dựng và vận hành cảng sông, cảng biển, ga hàng không;
- ♦ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường biển, đường sông;
- ♦ đánh bắt cá và hải sản;

- ♦ kinh doanh bất động sản.

2. Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs)

Các Bên đồng ý xoá bỏ toàn bộ các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, bao gồm các biện pháp yêu cầu cân đối thương mại và kiểm soát ngoại hối đối với hàng nhập khẩu tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.

Việt Nam sẽ loại bỏ toàn bộ các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại khác trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Các bên cũng sẽ đàm phán một hiệp định đầu tư song phương trong một thời hạn thích hợp sau này.

Riêng với *yêu cầu phát triển nguồn nguyên liệu trong nước*, Việt Nam có thể duy trì tới 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với những lĩnh vực: Chế biến giấy, dầu thực vật, sữa, đường mía, chế biến gỗ (trừ dự án sử dụng gỗ nhập khẩu).

Đối với *yêu cầu xuất khẩu ít nhất 80% sản phẩm*, Việt Nam có thể được duy trì tới 7 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với những lĩnh vực:

- ♦ Sản xuất xi-măng, các loại sơn và sơn xây dựng, gạch ốp lát và sứ vệ sinh,
- ♦ nhựa PVC và các sản phẩm nhựa khác,
- ♦ giày dép, hàng may mặc,
- ♦ thép xây dựng, bột giặt,
- ♦ săm lốp ô-tô và xe máy,
- ♦ phân bón NPK,
- ♦ đồ uống có cồn, thuốc lá,
- ♦ giấy (bao gồm giấy in, giấy viết, giấy photocopy).

3. Yêu cầu về vốn đầu tư:

Sau 3 năm, Việt Nam sẽ xoá bỏ yêu cầu vốn vốn pháp định tối thiểu của phía Hoa Kỳ là 30%; xoá bỏ yêu cầu bán phần góp vốn của Hoa Kỳ cho đối tác Việt Nam và thay bằng quyền được mua trước.

Các công dân hoặc công ty Hoa Kỳ chưa được phép thành lập công ty cổ phần. Doanh nghiệp có vốn đầu tư Hoa Kỳ không được phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam.

Các công dân và công ty Hoa Kỳ không được phép mua quá 30% cổ phần của một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa.

4. Tổ chức và quản lý liên doanh:

Sau 3 năm sẽ xoá bỏ yêu cầu một số nhân sự cao cấp trong liên doanh phải là công dân Việt Nam; xoá bỏ yêu cầu một số vấn đề quan trọng nhất liên quan đến tổ chức và hoạt động của liên doanh phải được quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

5. Giá và phí:

Việt Nam sẽ từng bước xoá bỏ sự phân biệt về giá và phí trong các lĩnh vực viễn thông, nước, dịch vụ du lịch, đăng kiểm phương tiện vận tải, giá điện và vận tải hàng không

Chương V: TẠO THUẬN LỢI CHO KINH DOANH

Các bên đảm bảo doanh nghiệp của phía bên kia có thể tiến hành những hoạt động kinh doanh thông thường như mở văn phòng, nhập khẩu thiết bị sử dụng cho văn phòng, quảng cáo, nghiên cứu thị trường, dự trữ hàng mẫu và phụ tùng thay thế.

Chương VI: MINH BẠCH VÀ QUYỀN KHIẾU KIỆN

Các bên sẽ thực hiện một số yêu cầu sau:

- ♦ Công bố định kỳ và kịp thời các luật, quy định và các thủ tục hành chính khác liên quan đến việc thực hiện Hiệp định, và chỉ rõ ngày có hiệu lực và cơ quan chính phủ là đầu mối liên hệ.
- ♦ Yêu cầu tất cả các luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến Hiệp định mà chưa được công bố thì phải công bố.
- ♦ Yêu cầu chỉ định một ấn phẩm chính thức là nơi sẽ công bố tất cả các văn bản luật, quy định nói trên.
- ♦ Yêu cầu áp dụng thống nhất, hợp lý, công bằng đối với tất cả các luật, quy định và các thủ tục hành chính.
- ♦ Duy trì các cơ quan tài phán và thủ tục hành chính hoặc tư pháp nhằm đáp ứng quyền khiếu kiện các quyết định liên quan đến việc thực hiện Hiệp định.

Chương VII: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Chương này đề cập đến các quy định về giao dịch và chuyển tiền qua biên giới, các ngoại lệ về an ninh quốc gia, các ngoại lệ chung, quy định về tham vấn định kỳ để rà soát việc thực hiện Hiệp định.

Trên đây là những nội dung cơ bản về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Xin chân thành cảm ơn sự theo dõi của quý vị và các bạn.

